



POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.

VEWL.# _____

I-171 : Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Lê Ngọc Năm
Last Middle First
- Current Address 154 Phan Chu Trinh, Đà Nẵng
- Date of Birth 10-15-49 Place of Birth Quảng Nam
- Previous Occupation (before 1975) Lieutenant
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 7-7-75 To 1-3-77
LENGTH (Number of years in Camp) 1 yr. 6 mos.
3. SPONSOR'S NAME: None
Name
- _____
Address & Telephone

- 4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.**

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
none	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared : 9/88

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Lê Ngọc Năm
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Nguyễn Thị Mai	1946	wife
Lê Thị Ngọc Thủy	1974	daughter
" Ngọc Thảo	1978	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR EXPLOITATIONAL PRISONER IN VIETNAM.

I. BASIC INFORMATION ON APPLICANT IN VIETNAM.

- NAME : LÊ NGỌC VÂN.
- Date and place of birth : October, 15-1949.
Đa-hòa, Điện-hùng, Điện-biên, Quảng Nam.
- position : A officer S3.
- Rank : first Lieutenant.
- Serial number : 69/208093.
- Unit : S3, 4th Reg, 2nd Division.
- Month, Date, year arrested : 07-7-1975.
- Month, Date, year out of camp : 03-1-1977.
- Present mailing address : 18/1 Trưng Nhị
viêng, LS' 22, Nại-hiến A, Bình-hiến, Quận 1.
Đà Nẵng.
- Current address : 154 Quang Trung
Đà Nẵng.



II. FULL LIST OF POP and POB OF EXPLOITATIONAL PRISONER IMMEDIATE FAMILY.

(A) - Relatives to accompany with exploitative prisoner to be consigned for U.S. Country:

NAME	Date of BIRTH	Place of Birth	SEX	MS	Relation-ship.
NGUYỄN THỊ MAI	1946	Thanh Khê Đà Nẵng	F	M	WIFE
LÊ THỊ NGỌC THỦY	1974	Nam-phước Đà Nẵng	F	S	Daughter
LÊ NGỌC THẢO	1978	Nam-phước Đà Nẵng	M	S	Son

(B) Complete family list of exploitative prisoner :

NAME	Date of Birth	ADDRESS	SEX	M.S	Relationship
Lê ngọc Giang	1902	46A Lê Lợi - Đà Nẵng	M	M	Father
Cơân thi Hạ	Dead.		F		
Lê thị Thịch	1934	104 Lê thị Phá	F	M	Sister
Lê ngọc Việt	1938	46A Lê Lợi - Đà Nẵng	M	M	brother.
Lê ngọc phùng	1942	Lưu tri Nam, Hoa Cũng Đà Nẵng	M	M	brother.
Lê ngọc Dũng	1952	104 Lê thị Phá Đà Nẵng - Lâm Mỹ	M	M	younger brother

III. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM

IV. Have you submitted the application for family reunification until now : not yet.

V. Comment remarks: all my other credentials concerning my military service in the RVNAF were lost in event 1975. To make it clear for you to review my file. I will briefly record personal status and my military service as follows

- Drafted or attended 4th course at THỦ ĐỨC Academy for officers in 1969.
- From 1970 to 1971: Served at first Battalion, 4th Reg, 2nd Division.
- From 1971 To 1975: Served at S3 4th Reg, 2nd Division.

- VII. COMMENT REMARK: I big your humanitarian help for my self be able to enter in U.S under the sponsor of the U.S government. Many thanks.
- VIII. please listing here all documents attached question.

Date: 29-7-1988.

Nguyen
Lengor Nam.

* Document attached:

- | | |
|-----------------------------------|-----------|
| . Release certificate (photocopy) | 1 sheet. |
| . Birth certificate | 3 sheets. |
| . Marriage certificate | 1 sheet. |
| - portrait of each person. | |



Nguyễn Thị Mai
1946



Lê Thị Ngọc Thụly
1974



Lê Ngọc Chảo
1978

ĐƠN VI
Tống tại 8
Số 1. 1. et

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

GIẤY PHÓNG THÍCH

Họ và tên **LÊ NGỌ NĂM**
Bí danh
Ngày tháng năm sinh **15-10-1949, Tết Thất 1945**
Nguyên quán **Đa Hòa, Kỳ Quang, Diên Bình, Quảng Nam.**
Trú quán hiện nay **154 Phan Chu Trinh, Khu phố Pháo Mìn, Quận 1, Đà Nẵng.**
Ngày đi lính **10-5-1969**
Đơn vị **Trung đoàn 4, 222 Đoàn 2 Bộ binh**
Số lính **69/208.093** cấp bậc **Trung úy**
Chức vụ **Đi qua, Ban 3**
Đã qua giáo dục từ ngày **0** tháng **7** năm **1975** đến ngày **03** tháng **01** năm **1976** tại **Trại 2 Tổng Trại 8**

Nay được phép trở về nơi cư trú hiện nay làm ăn theo quyết định số **113** ngày **06** tháng **11** năm **1976** của **Cục chính trị Quân Khu 5**
Đề nghị Ủy ban nhân dân địa phương tiếp tục giáo dục và xét quyền công dân theo quy định chung của nhà nước.

Đã đến trình diện

tại **Đầu cầu an** Ngày **16** tháng **12** năm **1976**
Ngày **07.01.1977** Thủ trưởng đơn vị



Ngài



Trưởng: **Võ Như Loan**

SỞ TƯ - PHÁP
TRUNG - PHẦN

TÒA SƠ - THẨM
QUẢNG - NAM tại ĐÀ NẴNG

CHỨNG THƯ THAY GIẤY

KHAI - SINH
Số 1860

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Năm một nghìn chín trăm năm mươi chín
ngày Hai mươi sáu tháng Hai hồi 9 giờ
Trước mặt chúng tôi là TỬ - ĐỘNG Chánh - Án
Tòa Sơ Thẩm Quảng - Nam tại ĐÀ - NẴNG ngồi tại văn
phòng có Ông MAI - XUÂN - TRIẾT Lục Sự giúp việc

CÓ ĐẾN TRÌNH - DIỆN

1o) Lê-văn-Thái 68 tuổi, trú ngụ tại Phước-Ninh, 68 K/P. Tô-án Đ
Căn - cước số 91A.000.723 cấp tại Phước-Ninh ĐN ngày 22.8.1955
2o) Nguyễn-văn-Tam 46 tuổi, trú ngụ tại Phước-Ninh, K/PCTrinh Đanang
Căn - cước số 13A.000.473 cấp tại Phước-Ninh ĐN. ngày 19.8.1955
3o) Trương-công-Thước 50 tuổi, trú ngụ tại Phước-Ninh, 70h, Ng. Tri-Phg
Căn - cước số 09A.000.032 cấp tại Phước-Ninh ĐN. ngày 15.8.1955

Những người chứng nói trên sau khi thề nói tất cả sự thật và chỉ có sự thật, đã khai và
chứng nhận biết rõ :

NGUYỄN-THỊ-MAI Nam, Nữ, Quốc - tịch Việt - Nam, sinh ngày Mồng mười (10)
tháng Sáu (6) năm Một nghìn chín trăm bốn mươi sáu (1946)
tại Phước-Ninh, Quận Nội-Ô, Đà-Nẵng
là con của Ông Nguyễn-Thương và Bà Nguyễn-thị-Xang

Mấy người này quả quyết rằng Ông Nguyễn-Thương
không thể xuất nạp giấy KHAI - SINH Con y được vì lẽ sổ hộ tịch chánh quán
bị phá hủy bởi những biến cố chiến tranh bản chánh bị thất lạc.

Mấy người chứng đã nhận thật những lời khai ở trên, nên chúng tôi chiếu các điều 47
48 Hoàng - Việt Hộ Luật lập từ chứng thư này thay thế giấy KHAI - SINH
của NGUYỄN-THỊ-MAI cấp cho đương sự
để nộp hồ sơ

Những người chứng sau khi nghe đọc bản văn này, đã ký tên cùng chúng tôi và Lục - Sự

Người dùng khai

Những người chứng

Chánh - Án

Lục - Sự

Nguyễn-Thương

Lê-văn-Thái

Tử-Dộng

Mai-xuân-Triết

Nguyễn-văn-Tam

Trương-công-Thước

Tem bản chính :

Trước bạ thân :

Trước bạ tại Đà-Nẵng, ngày 04.3.1959

Quyển 14 tờ 90 số 569

CHỦ SỰ

(ký tên và đóng dấu)

Sao y chánh bản

Đà-Nẵng, ngày 26 tháng 5 năm 1959
Chánh Lục Sự



ỦY BAN NHÂN DÂN

CONG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phường Nam Dương

Quan I

Thành phố Đà Nẵng

B A N S A O
GIẤY KHAI SINH

Số : 102
Quyển số : 01

: Họ và tên	: LE NGOC THẢO	: Nam	:
: Sinh ngày	: 9 / 11 / 1978 (ngày chín tháng mười một năm một		:w
: tháng năm	: nghìn chín trăm bảy mươi tám)		:
: Nơi sinh	: Khối Phước Hiệp, Phường Nam Dương, Quan I Đà Nẵng		:
:	: (Bệnh viện Đà Nẵng)		:
: Khai về cha, mẹ	: / CHA : ME		:
: Họ, tên, tuổi	: LE NGOC NAM	: NGUYỄN THI MAI	:
: (hoặc ngày,	: 1949	: 1945	:
: tháng năm sinh)			:
: Dân tộc	: Kinh	: Kinh	:
: Quốc tịch	: Việt Nam	: Việt Nam	:
: Nghề nghiệp	: Sửa Radio - Tổ 12 Phước Hiệp,	: Y Tá - Tổ 12 Phước Hiệp, Nam	:
: Nơi ĐKKK th/trú	: Nam Dương, Đà Nẵng	: Dương - Đà Nẵng	:
: Họ, tên, tuổi,	: NGUYỄN THI MAI- 32 tuổi, tổ 12 - Phước Hiệp,		:
: nơi ĐKKK thường:	: Nam Dương, Quan I Đà Nẵng	: Chứng minh nhân dân	:
: trú, số giấy ch:	: số 200073595		:
: ch/minh hoặc CNCC			:
: của người đứng khai			:
:			:

Đăng ký, ngày tháng năm 19

NHAN THƯC SAO Y BẢN *Sao*

Ngày *28* tháng *1* năm 1983

TM/ ỦY BAN NHÂN DÂN NAM DƯƠNG



NGUYỄN THỊ KỲ

Nguyễn Thị Kỳ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH-PHỐ
ĐÀ-NẴNG

QUẬN NHẤT
XÃ PHƯỜNG NAM-PHƯỚC

Số hiệu 22

TRÍCH LỤC

CHỨNG THƯ HÔN THỦ

Họ và tên người chồng LE NGOC-NAM
Nghề-nghiep Quản nhân
Sinh ngày ngày 15 (15) tháng tháng 10 (10) năm 1949
Tại Quảng-Nam
Cư sở tại -nt-
Tạm trú tại Trung Đoàn 4/3E
Tên họ cha chồng LE NGOC-GIANG (Sông)
(Sống chết phải nơi)
Tên họ mẹ chồng TRẦN THI-HA (Sông)
(Sống chết phải nơi)
Tên họ người vợ NGUYỄN THI-MAI
Nghề nghiệp Y-TA
Sinh ngày 20 tháng 06 năm 1946
Tại PHƯỚC NINH ĐÀ-NẴNG
Cư sở tại -nt-
Tạm trú tại -nt-
Tên họ cha vợ NGUYỄN-THƯỜNG (Sông)
(Sống chết phải nơi)
Tên họ mẹ vợ NGUYỄN THI XANG (Sông)
(Sống chết phải nơi)
— Ngày cưới NGÀY 16 THÁNG 05 NĂM 1973
— Vợ chồng khai có hay không lập hôn thê 7///
Ngày //// tháng /// năm ////
Tại ////

NIÊN THỊ THỰC
THAM DHIỆU SL SỐ 157 SL/N
CỦA TỈNH-TƯỚNG CHINH-PHỦ
NGÀY 01 THÁNG 12 NĂM 1971

Trích y bản chính

NAM-PHƯỚC . ngày 16 tháng 05 năm 1973

Viên chức hợp tịch,

PHƯỜNG-TRƯỞNG

PHUNG-TRICH-LUC

NAM-PHƯỚC ngày 22 Tháng 05 năm 1973

PHƯỜNG-TRƯỞNG

PHƯỜNG NAM-PHƯỚC



NGUYỄN-VĂN-PHUNG

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Tỉnh Đà Nẵng

Quận I

Xã «Phường» NAM-PHƯỚC

Số hiệu 115

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SINH

Lập ngày 23 tháng 03 năm 1974

Tên họ đứa trẻ LÊ THỊ NGỌC-THUY

Con trai hay con gái NỮ

Ngày sanh MƯỜI SÁU THÁNG BA NĂM MỘT NGÀN CHÍN TRĂM BẢY
MƯỜI BỐN (16-03-1974)

Nơi sanh NAM-PHƯỚC , ĐÀ-NẴNG

Tên họ người cha LÊ-NGỌC-NAM

Tên họ người mẹ NGUYỄN-THỊ-MAI

Vợ chánh hay không có hôn thú VỢ CHÁNH

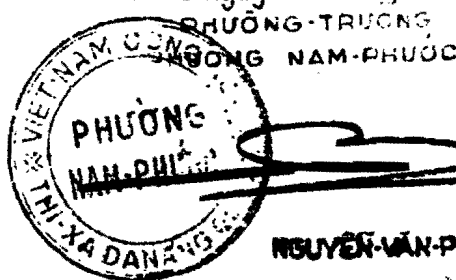
Tên họ người đứng khai LÊ-NGỌC-NAM

MIỀN THỊ-TRỰC
TRAM-CHIẾU-SL SỔ 157 SL/NN
CỦA THỦ-TƯỚNG CHÍNH-PHỦ
ĐẠT ĐI THÁNG 12 NĂM 1973

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

~~TRÍCH LỤC~~

Ngày 23 tháng 03 năm 1974



NGUYỄN-VĂN-PHÚ

From

Lê ngọc Nam

154 Phan chu Trinh 154

Danang VIETNAM.



TO:

Trinh. ngọc Dung.

P.O BOX 5435 ARLINGTON

VA 22205-0635

U.S.A



ch3⁻ 7/29/89